TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/ST-HNGĐ
Ngày: 17-5-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Hường và ông Phạm Ngọc M

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: bà Lưu Thị Kim Thuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST–HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28-4-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Ngưu Nữ T - Sinh năm: 2000 – Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: P, X, N1, Ninh Thuận.

Bị đơn: anh Đàng Anh M - Sinh năm: 1998 – Vắng mặt lần 2

Địa chỉ: H, P, N, Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án như sau:

1. *Theo đơn khởi kiện ngày 15-2-2023 và tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 31-3-2023, nguyên đơn chị Ngư Nữ T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn*:

Về hôn nhân: chị T và anh M chung sống như vợ chồng từ năm 2017, đến năm 2020 mới đi đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 14-02-2020. Do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cải nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2020 cho đến nay chị T và anh M không còn chung sống với nhau, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh M nên yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: chị T và anh M có một con chung là cháu Đàng Nữ An N – Sinh ngày: 07-10-2017. Do lúc sinh con chưa đi đăng ký kết hôn nên khi làm giấy khai sinh cho cháu chỉ ghi tên mẹ. Cháu N hiện nay đang ở với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh M phải chu cấp tiền nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. *Ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Tại biên bản ghi nhận lời trình bày ngày 23-3-2023 anh Đàng Anh M trình bày:

Về hôn nhân: anh M và chị T chung sống với nhau từ năm 2015, đến năm 2020 mới đi đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm sống nên không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Theo yêu cầu khởi kiện của chị T anh M đồng ý ly hôn với chị T;

Về con chung: anh M và chị T có một con chung là cháu Đàng Nữ An N – Sinh ngày: 07-10-2017, cháu N hiện nay đang ở với chị T, khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi dưỡng.

Tài sản chung: không có.

Sau khi nghi nhận được ý kiến trình bày của anh M, Tòa án nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhưng anh M vắng mặt nên không công nhận thuận tình ly hôn,thỏa thuận về nuôi con giữa chị T và Anh M được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu về thủ tục tố tụng cũng như nội dung giải quyết vụ án được tóm tắt như sau*:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" của nguyên đơn chị Ngưu Nữ T đối với bị đơn anh Đàng Anh M; buộc chị Ngưu Nữ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị T và anh M cùng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không còn chung sống từ năm 2020 cho đến nay và đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Như vậy, hôn nhân chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh M.

[2.2]. Về con chung: chị T và anh M đều xác nhận vợ chồng có một con chung tên Đàng Nữ An N – Sinh ngày: 07-10-2017, cháu hiện đang ở với chị T. Quá trình giải quyết vụ án, anh M đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Xét việc giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu nên chấp nhận. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử lý về án phí là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận cho chị Ngưu Nữ T được ly hôn với anh Đàng Anh M.

2. Giao con chung là cháu Đàng Nữ An N – Sinh ngày: 07-10-2017 cho chị Ngưu Nữ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu N hiện đang ở cùng chị T).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Ngư Nữ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Ngưu Nữ T đã nộp theo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002994 ngày 09-3-2023, chị Ngưu Nữu T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã X, N1;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hường Phạm Ngọc M **Trần Văn Tùng**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Phước Sơn, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi: 09h00', ngày 30 tháng 10 năm 2020

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyên N, tỉnh Ninh Thuận.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường và bà Bá Thị Thu Vân

Tiến hàn nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 331/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 về Ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung Luật - Sinh năm: 1978; trú tại: Đội 1, Hợp tác xã 4, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Cao Thị Ngọc Phúc - Sinh năm: 1985; trú tại: Thôn 4, xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở hiện tại: Thôn Thái Giao, huyện N, tỉnh Ninh Thuận – Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG T LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập hợp, có ý kiến vằng văn bản xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Điều luật áp dụng: Căn cứ: khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Lyhôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của ông Trần Trung Luật với bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung Luật được ly hôn với anh bà Cao Thị Ngọc Phúc.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thùy Dương, sinh ngày 22-5-204 cho ông Trần Trung Luật trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Cháu Dương đang ở cùng ông Luật). Bà Cao Thị Ngọc Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Luật không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

+ Về án phí: Ông Trần Trung Luật phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Tòa án ông Luật đã nộp theo Biên lai tu tiền số 0006067 ngày 10-6-2020 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09h30' ngày 30 tháng 10 năm 2020

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Tuấn trình bày trong thời gian chung sống ông và bà Du có mâu thuẩn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả, đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, trong thời gian không chung sống không ai còn quan tâm tới ai, mạnh ai người đó sống.